

**BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỂ DỤC THỂ THAO BẮC NINH

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

NGÀNH: GIÁO DỤC THỂ CHẤT

BẮC NINH, NĂM 2021

Số: 88/QĐ-TDĐTBN

Bắc Ninh, ngày 24 tháng 9 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành chương trình và kế hoạch đào tạo
cho các ngành Đại học chính quy của Trường Đại học thể dục thể thao Bắc Ninh

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỂ DỤC THỂ THAO BẮC NINH

Căn cứ Quyết định số 3655/QĐ-BVHTTDL, ngày 01/10/2018 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức bộ máy của Trường Đại học TDTT Bắc Ninh;

Căn cứ nội dung Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ Quyết định số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ Quyết định số 966/QĐ-TDĐTBN ngày 20/9/2019 của Hiệu trưởng trường Đại học TDTT Bắc Ninh về việc ban hành chương trình đào tạo các ngành Đại học chính quy.

Xét đề nghị của Thường trực Hội đồng Khoa học Đào tạo Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này gồm 04 chương trình đào tạo và kế hoạch đào tạo các ngành Đại học chính quy của Trường Đại học TDTT Bắc Ninh cho các khóa bắt đầu khai giảng từ năm học 2021-2022:

1. Chương trình đào tạo và kế hoạch đào tạo ngành Giáo dục thể chất;
2. Chương trình đào tạo và kế hoạch đào tạo ngành Huấn luyện thể thao;
3. Chương trình đào tạo và kế hoạch đào tạo ngành Quản lý Thể dục thể thao;
4. Chương trình đào tạo và kế hoạch đào tạo ngành Y sinh học TDTT.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng các Phòng, Ban, Khoa, Bộ môn và các đơn vị trong Trường Đại học TDTT Bắc Ninh chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Ban giám hiệu (B/c)
- Như điều 3 (T/h)
- Lưu VT; ĐT, QLKH&HTQT (C12)



PGS.TS. Nguyễn Văn Phúc

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

*(Ban hành theo quyết định số 883b /QĐ-ĐHTDTTBN ngày 24 tháng 09 năm 2021 của
Hiệu trưởng Trường đại học thể dục thể thao Bắc Ninh)*

1. Thông tin chung

Chương trình	Giáo dục thể chất
Trình độ đào tạo	Đại học
Ngành đào tạo	Giáo dục thể chất
Mã ngành	7140206
Hình thức đào tạo	Chính quy
Ngôn ngữ đào tạo	Tiếng việt
Thời gian đào tạo	4 năm
Số tín chỉ	121
Quyết định mở ngành, cấp ban hành	
Kiểm định chương trình	
Thời điểm điều chỉnh	
Áp dụng từ năm tuyển sinh	2021
Đơn vị cấp bằng	Trường Đại học TDTT Bắc Ninh
Đơn vị quản lý chuyên môn	Khoa Giáo dục thể chất

2. Triết lý giáo dục, mục tiêu đào tạo và định hướng nơi làm việc sau khi tốt nghiệp

2.1. Triết lý giáo dục

Kiến tạo con đường thông minh để mỗi người sau quá trình học tập trở thành công dân tốt, phát huy hiệu quả tốt nhất năng lực của bản thân, mang lại giá trị cho cộng đồng

2.2. Mục tiêu đào tạo

- Mục tiêu chung:

Chương trình đào tạo ngành Giáo dục Thể chất trình độ đại học đào tạo sinh viên trở thành người giáo viên, giảng viên Giáo dục Thể chất có năng lực giảng dạy, quản lý và nghiên cứu khoa học tại các trường học thuộc hệ thống giáo dục quốc dân, trong các trung tâm TDTT, các cơ sở TDTT....; làm cán bộ quản lý về lĩnh vực GDTC và Thể dục thể thao các cấp, làm hướng dẫn viên TDTT tại các cơ sở. Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, đáp ứng chuẩn nghề nghiệp giáo viên hiện hành phục vụ tốt nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, có ý thức, trách nhiệm trong công tác bảo vệ quốc phòng, an ninh, hội nhập quốc tế; có khả năng thích nghi với

các môi trường giáo dục; có trách nhiệm nghề nghiệp; có khả năng tự học và tham gia các chương trình đào tạo sau đại học trong và ngoài nước.

- Mục tiêu đào tạo cụ thể

Mã	Mô tả
PO1	Trang bị cho sinh viên trình độ lý luận chính trị, kiến thức quốc phòng an ninh, năng lực ngoại ngữ, công nghệ thông tin cơ bản theo quy định hiện hành;
PO2	Hình thành và phát triển các năng lực: giao tiếp, tự chủ và tự học, học tập suốt đời, nghiên cứu khoa học TĐTT, tư duy phản biện, giải quyết vấn đề, sáng tạo, hợp tác; tác phong sư phạm; có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp; khả năng thích ứng với môi trường đa văn hóa và hội nhập quốc tế;
PO3	Rèn luyện sinh viên năng lực nhận thức chuyên sâu về TĐTT, năng lực thể chất, năng lực thực hành, năng lực làm việc các ngành nghề phù hợp với chuyên môn GDTC và TĐTT, năng lực học tập các ngành gần và năng lực học sau đại học;
PO4	Hình thành cho sinh viên những phẩm chất cá nhân, phẩm chất nghề nghiệp và phẩm chất xã hội phù hợp với Chuẩn nghề nghiệp giáo viên hiện hành.

3. Chuẩn đầu ra:

3.1. Chuẩn đầu ra của chương trình

Mã	Nội dung CĐR
1.	Chuẩn về kiến thức
PLO1.1	Trình bày được các kiến thức cơ bản về khoa học chính trị, khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và pháp luật;
PLO1.2	Trình bày và vận dụng được các lý thuyết cơ bản về giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng và an ninh.
PLO1.3	Trình bày được kiến thức nền tảng về khoa học giáo dục GDTC, tâm lý học TĐTT, các xu hướng dạy học hiện đại trong dạy học và các nguyên tắc trong thiết kế chương trình môn học GDTC và đánh giá môn học GDTC trong trường học các cấp, hệ thống kiến thức cơ bản TĐTT, quá trình phát triển sinh lý theo lứa tuổi - giới tính với hoạt động thể lực.
PLO1.4	Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật giảng dạy, các phương pháp kiểm tra, đánh giá, phương pháp nghiên cứu theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực của người học, tham gia và thực hiện nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực Giáo dục thể chất và TĐTT
PLO1.5	Nắm vững kiến thức nghiệp vụ sư phạm, nắm vững hệ thống kiến thức chuyên ngành GDTC và TĐTT, đặc điểm thích nghi của lứa tuổi với hoạt động thể lực, kiến thức cơ bản và kỹ năng vận động cần thiết ở một số môn Thể thao trong nhà trường
PLO1.6	Thành thạo kỹ - chiến thuật và phương pháp giảng dạy - huấn luyện, tổ chức thi đấu và phương pháp trọng tài ở một số môn Thể thao phổ biến trong phong trào thể thao quần chúng.
PLO1.7	Vận dụng kiến thức chuyên ngành vào thống kê, đo lường trong TĐTT, một số môn Thể thao phổ biến hiện hành.
PLO1.8	Cụ thể hóa được các phương pháp, thủ thuật giảng dạy đặc thù của môn

	học GDTC và TDTT nhằm phát huy tính tích cực, phát triển tư duy và rèn luyện phát triển các tố chất thể lực của học sinh qua đó phát hiện và bồi dưỡng tài năng thể thao một số môn thể thao phổ biến trong Nhà trường.
2.	Chuẩn về kỹ năng
PLO2.1	Thực hiện chương trình, tổ chức giảng dạy và kiểm tra đánh giá môn học Giáo dục thể chất cho học sinh – sinh viên trong các trường học thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.
PLO2.2	Hướng dẫn, tổ chức thực hành, huấn luyện thi đấu các môn thể thao trong CTĐT, các hoạt động thể dục thể thao của nhà trường và tham gia, thực hiện công tác nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực giáo dục thể chất và TDTT.
PLO2.3	Đạt trình độ tiếng Anh hoặc tiếng Pháp bậc 3 (B1) khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam; có khả năng hợp tác quốc tế, đạt trình độ chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định.
PLO2.4	Tự chủ trong xây dựng và thực hiện kế hoạch học tập, cập nhật kiến thức từ những nguồn khác nhau đáp ứng theo nhu cầu và nhiệm vụ công tác, sáng tạo trong giải quyết vấn đề nhằm xây dựng năng lực thích ứng và tự học suốt đời.
3.	Chuẩn về năng lực tự chủ và trách nhiệm
PLO3.1	Có lập trường tư tưởng vững vàng, tuân thủ Hiến pháp và pháp luật; tôn trọng nội quy, quy chế làm việc của ngành giáo dục, tuân thủ các quy định về đạo đức nhà giáo.
PLO3.2	Tích cực tham gia công tác bồi dưỡng và tự bồi dưỡng chuyên môn, có tác phong và cách thức làm việc phù hợp với công việc, cầu thị, hợp tác và giúp đỡ đồng nghiệp trong môi trường giáo dục.

3.2. Ma trận đáp ứng mục tiêu đào tạo và CĐR

Chuẩn đầu ra	Mục tiêu đào tạo			
	PO1	PO2	PO3	PO4
PLO1.1	x	x		
PLO1.2	x	x		
PLO1.3	x	x		
PLO1.4	x	x		
PLO1.5	x	x		
PLO1.6	x	x		
PLO1.7	x	x		
PLO1.8	x	x		
PLO2.1			x	
PLO2.2			x	
PLO2.3			x	
PLO2.4			x	
PLO3.1				x
PLO3.2				x

3.3. Cơ hội làm việc và khả năng học tập nâng cao

- Sau khi tốt nghiệp sinh viên có khả năng làm công tác giảng dạy môn học Giáo dục thể chất ở các bậc học thuộc hệ thống Giáo dục quốc dân; tham gia làm việc trong các cơ quan quản lý nhà nước hoặc cơ quan quản lý xã hội về TDTT; hoặc tổ chức hướng dẫn hoạt động thể dục thể thao cho mọi người tại các đơn vị TDTT cơ sở, các câu lạc bộ TDTT...

- Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp: Sinh viên sau khi tốt nghiệp có thể tiếp tục học sau đại học (thạc sĩ, tiến sĩ) thuộc đúng chuyên ngành hoặc học chuyển đổi một số học phần để học chuyên ngành khác thuộc khối ngành thể dục thể thao tại các trường đào tạo phù hợp.

4. Chuẩn đầu vào

Người học phải tốt nghiệp THPT hoặc trình độ tương đương phù hợp với quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT

Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào theo quy định của Bộ GD&ĐT, theo quy định tuyển sinh và đề án tuyển sinh của Trường, Hội đồng Trường đề xuất, quyết định và công bố chỉ tiêu, ngưỡng điểm đủ điều kiện trúng tuyển theo các phương thức xét tuyển được xây dựng trong quy định đề án tuyển sinh của Trường Đại học TDTT Bắc Ninh

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

- Thời gian đào tạo: 4 năm gồm 8 học kỳ, với tổng số 2685 giờ, bao gồm thời gian thực tập và làm khoá luận tốt nghiệp, mỗi năm gồm 2 học kỳ.

- Khối lượng kiến thức toàn khóa: 121 tín chỉ (TC), chưa kể nội dung về Giáo dục Quốc phòng (165 tiết).

Tốt nghiệp:

- Sinh viên thi theo quy chế hiện hành của Bộ Giáo dục - Đào tạo.

- Sau khi tốt nghiệp, sinh viên được công nhận và cấp bằng Cử nhân Giáo dục thể chất

Điều kiện tốt nghiệp:

- Về nhân cách: Đến thời điểm xét và công nhận tốt nghiệp, sinh viên không đang trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự, không bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trước toàn trường trở lên.

- Về học lực: Tích lũy đủ số tín chỉ quy định trong chương trình. Điểm trung bình chung học tập đạt từ 1.0 (điểm D) trở lên.

- Về đẳng cấp: môn thể thao chuyên ngành đạt đẳng cấp tương đương II và 02 môn thể thao đạt đẳng cấp III.

6. Cấu trúc và nội dung chương trình đào tạo

6.1. Cấu trúc của chương trình

TT	Cấu trúc kiến thức	Số TC	Ghi chú
1	Kiến thức Giáo dục đại cương (không gồm học phần Giáo dục quốc phòng và an ninh)	30	
2	Kiến thức cơ sở ngành.	31	

		16	+ Bắt buộc
		15	+ Tự chọn
3	Kiến thức ngành	46	
		30	+ Bắt buộc
		16	+ Tự chọn
4	Thực tập nghiệp vụ và khóa luận tốt nghiệp (hoặc học phần thay thế)	14	
4.1	Thực tập nghiệp vụ	8	
4.2	Khóa luận tốt nghiệp (hoặc học phần thay thế)	6	
	Tổng (30 +31+46+14)	121	

6.2. Nội dung và kế hoạch giảng dạy

TT	Tên học phần	Mã HP	Số tín chỉ	Học kỳ dự kiến	Mã HP tiên quyết
A	Kiến thức giáo dục đại cương (không gồm học phần Giáo dục quốc phòng		30		
1	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê nin	1ĐC301/ 1ĐC302	5	HK1; 2	1ĐC301/ 1ĐC302
2	Đường lối cách mạng của đảng cộng sản Việt Nam	1ĐC303	3	HK3	1ĐC303
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	1ĐC304	2	HK3	1ĐC304
4	Ngoại ngữ	1ĐC201/ 1ĐC202	6	HK1; 2	1ĐC201/ 1ĐC202
5	Tin học đại cương	1ĐC103	2	HK6	
6	Tâm lý học đại cương	1TL101	2	HK3	
7	Giáo dục học đại cương	1TL201	2	HK4	
8	Thống kê toán học	1ĐC101	2	HK3	
9	Phương pháp nghiên cứu khoa học	1ĐC106	2	HK4	
10	Quản lý hành chính nhà nước	1QL201	2	HK4	
11	Pháp luật đại cương	1QL101	2	HK2	
12	Giáo dục quốc phòng và An ninh 1	1QP001	3	HK1	
13	Giáo dục quốc phòng và An ninh 2	1QP002	2	HK1	
14	Giáo dục quốc phòng và An ninh 3	1QP003	1	HK1	
15	Giáo dục quốc phòng và An ninh 4	1QP004	2	HK1	
B	Kiến thức cơ sở ngành.		31		
	I. Kiến thức bắt buộc		16		
1	Tâm lý học Thể dục thể thao	1TL102G	2	HK5	
2	Giáo dục học Thể dục thể thao	1TL202G	2	HK6	
3	Sinh lý Thể dục thể thao	1YS301/ 1YS302	4	HK5; 6	1YS301/ 1YS302
4	Giải phẫu Thể dục thể thao	1YS701	2	HK2	
5	Lý luận và phương pháp Giáo dục thể chất	1LL001GYQ 1LL002GYQ	4	HK5; 6	1LL001G YQ
6	Thể dục thể thao trường học	1LL006G	2	HK7	
	II. Kiến thức lựa chọn		15		
7	Quản lý thể thao quần chúng	1QL203G	2	HK7	
8	Đo lường Thể thao	1ĐC102	2		
9	Xã hội học Thể dục thể thao	1QL304GHY	2		

10	Giao tiếp sư phạm	1TL105G	2	HK4	
11	Y học Thể dục thể thao	1YS101	3	HK7	
12	Vệ sinh Thể dục thể thao	1YS201	2	HK1	
13	Sinh cơ Thể dục thể thao	1YS501GHQ	2		
14	Sinh hóa Thể dục thể thao	1YS401GHQ	2		
15	Kinh tế học Thể dục thể thao	1QL301GH	2		
16	Maketing Thể thao	1QL307GH	2		
17	Lịch sử Thể dục thể thao	1LL07	2	HK8	
18	Văn hóa thể thao	1TL204	2	HK5	
19	Công tác đoàn đội	1TL203G	2	HK4	
C	Kiến thức ngành		46		
	<i>I. Kiến thức bắt buộc</i>		6		
1	Lý luận và phương pháp huấn luyện Điền kinh	1ĐK007GYQ	2	HK2	
2	Lý luận và phương pháp huấn luyện Thể dục	1TD007GYQ	2	HK1	
3	Lý luận và phương pháp huấn luyện Bơi lội	1BL007GYQ	2	HK3	
4	Lý luận và phương pháp giảng dạy thể thao chuyên ngành		24	HK1-8	
	<i>II. Kiến thức lựa chọn</i>		16		
5	Lý luận và phương pháp giảng dạy Bóng đá	1BĐ007GYQ	2	HK5	
6	Lý luận và phương pháp giảng dạy Bóng chuyền	1BC007GYQ	2	HK6	
7	Lý luận và phương pháp giảng dạy Cầu lông	1CL007GYQ	2	HK4	
8	Lý luận và phương pháp giảng dạy Võ	1VO007GYQ	2	HK6	
9	Lý luận và phương pháp giảng dạy Bóng rổ	1BR007GYQ	2	HK8	
10	Lý luận và phương pháp giảng dạy cờ	1CV007GYQ	2	HK4	
11	Lý luận và phương pháp giảng dạy Đá cầu	1BĐ008GQ	2		
12	Lý luận và phương pháp giảng dạy âm nhạc vũ đạo	1TD009GYQ	2		
13	Lý luận và phương pháp giảng dạy Bóng bàn	1BB007GYQ	2		
14	Lý luận và phương pháp giảng dạy Bóng Ném	1BN007GYQ	2	HK7	
15	Lý luận và phương pháp giảng dạy Vật	1VA007GYQ	2		
16	Lý luận và phương pháp giảng dạy Quần vợt	1QV007GYQ	2		
17	Lý luận và phương pháp giảng dạy Aerobic	1TD010G	2		
18	Lý luận và phương pháp giảng dạy Golf	1GO007GYQ	2	HK5	
19	Lý luận và phương pháp giảng dạy các môn TT dân tộc	1BS008GYQ	2		
20	Lý luận và phương pháp giảng dạy Bắn súng	1BS007GYQ	2		
21	Lý luận và phương pháp giảng dạy Trò chơi vận động	1BC008G	2		
D	Thực tập nghiệp vụ và khóa luận tốt nghiệp		14		
1	Thực tập nghiệp vụ lần 1	1TT001	3	HK5	
2	Thực tập nghiệp vụ lần 2	1TT002	5	HK7	1TT001
3	Khóa luận tốt nghiệp	1LV001	6	HK8	
	Học phần chuyên môn thay thế				
1	Học phần chuyên môn thay thế 1	1LL008GYQ	3	HK8	
2	Học phần chuyên môn thay thế 2	1YS102GHY	3	HK8	
	Tổng số tín chỉ		121		

7. Ma trận liên kết học phần và CDR

TT	Mã học phần	Tên học phần	Chuẩn đầu ra của CTĐT													
			Kiến thức								Kỹ năng				Mức độ tự chủ và trách nhiệm	
			PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO2 .1	PLO2 .2	PLO2 .3	PLO2 .4	PLO3 .1	PLO3 .2
A. Khối kiến thức Giáo dục đại cương																
1	1ĐC301/ 1ĐC302	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê nin	2									2			2	
2	1ĐC303	Đường lối cách mạng của đảng cộng sản Việt Nam	2									2			2	
3	1ĐC304	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2									2			2	
4	1ĐC201/ 1ĐC202	Ngoại ngữ	2									2			2	
5	1ĐC103	Tin học đại cương	2										1	2		2
6	1TL101	Tâm lý học đại cương	2										1	2		2
7	1TL201	Giáo dục học đại cương	2										2	2		2
8	1ĐC101	Thông kê toán học		2									1	2		2
9	1ĐC106	Phương pháp nghiên cứu khoa học		2									2	2		2
10	1QL201	Quản lý hành chính nhà nước		2									2	1		2
11	1QL101	Pháp luật đại cương	2										2	2		2
12	1QP001	Giáo dục quốc phòng và An ninh 1	2										1	1		2
13	1QP002	Giáo dục quốc phòng và An ninh 2	2										2	1		2
14	1QP003	Giáo dục quốc phòng và An ninh 3		2									2	2		2
15	1QP004	Giáo dục quốc phòng và An ninh 4		2									2	2		2
B. Khối kiến thức cơ sở ngành																
I. Bắt buộc																
1	1TL102G	Tâm lý học Thể dục thể thao			2	2						1		2		2

2	1TL202G	Giáo dục học Thể dục thể thao			2	2					1			2		2
3	1YS301/ 1YS302	Sinh lý Thể dục thể thao			2	2						2		2		2
4	1YS701	Giải phẫu Thể dục thể thao			2	1						2		2		2
5	1LL001GYQ 1LL002GYQ	Lý luận và phương pháp Giáo dục thể chất			2	2						2		2		2
6	1LL006G	Thể dục thể thao trường học			2	2						1		2		2
II. Tự chọn																
7	1QL203G	Quản lý thể thao quần chúng			2	2					1			2		2
8	1ĐC102	Đo lường Thể thao			2	2						2				2
9	1QL304GHY	Xã hội học Thể dục thể thao			1	2					1			2		2
10	1TL105G	Giao tiếp sư phạm			2	2						2		2		2
11	1YS101	Y học Thể dục thể thao			2	2						2		2		2
12	1YS201	Vệ sinh Thể dục thể thao			2	2						2		2		2
13	1YS501GHQ	Sinh cơ Thể dục thể thao			2	2						2		2		2
14	1YS401GHQ	Sinh hóa Thể dục thể thao			2	2						2		2		1
15	1QL301GH	Kinh tế học Thể dục thể thao			2	2							2			2
16	1QL307GH	Marketing Thể thao			2	2							1			2
17	1LL07	Lịch sử Thể dục thể thao			2	2						1		2	2	2
18	1TL204	Văn hóa thể thao			2	2						1		1	2	2
19	1TL203G	Công tác đoàn đội			2	2							2	2		2
C. Kiến thức ngành																
I. Bắt buộc																
1	1ĐK007GY Q	Lý luận và phương pháp huấn luyện Điền kinh					2	3	3			2		2		3
2	1TD007GYQ	Lý luận và phương pháp huấn luyện Thể dục					2	3		2		2		2		2
3	1BL007GYQ	Lý luận và phương pháp huấn luyện Bơi lội					2	3		2		2		2		2
4		Lý luận và phương pháp giảng dạy thể thao chuyên ngành					3	3	3	3		3		3		3

II. Tự chọn															
5	1BD007GYQ	Lý luận và phương pháp giảng dạy Bóng đá					3	3		3		3		3	3
6	1BC007GYQ	Lý luận và phương pháp giảng dạy Bóng chuyền					3	3		3		3		3	3
7	1CL007GYQ	Lý luận và phương pháp giảng dạy Cầu lông					3	3		3		3		3	2
8	1VO007GYQ	Lý luận và phương pháp giảng dạy Võ					2	2		2		2		2	2
9	1BR007GYQ	Lý luận và phương pháp giảng dạy Bóng rổ					3	3		3		3		3	3
10	1CV007GYQ	Lý luận và phương pháp giảng dạy cờ					3	2		2		2		2	2
11	1BD008GQ	Lý luận và phương pháp giảng dạy Đá cầu					2	2		2		2		2	2
12	1TD009GYQ	Lý luận và phương pháp giảng dạy âm nhạc vũ đạo					2	2		2		2		2	2
13	1BB007GYQ	Lý luận và phương pháp giảng dạy Bóng bàn					2	2		3		2		2	2
14	1BN007GYQ	Lý luận và phương pháp giảng dạy Bóng Ném					2	2		2		2		2	2
15	1VA007GYQ	Lý luận và phương pháp giảng dạy Vật					2	2		2		2		2	2
16	1QV007GYQ	Lý luận và phương pháp giảng dạy Quần vợt					3	2		2		2		2	2
17	1TD010G	Lý luận và phương pháp giảng dạy Aerobic					2	2		2		2		2	2
18	1GO007GYQ	Lý luận và phương pháp giảng dạy Golf					2	3		3		2		2	2
19	1BS008GYQ	Lý luận và phương pháp giảng dạy các môn TT dân tộc					2	2		2		2		2	2
20	1BS007GYQ	Lý luận và phương pháp giảng dạy Bắn súng					2	3		2		2		2	2

21	1BC008G	Lý luận và phương pháp giảng dạy Trò chơi vận động					3	3		2		3		2		3
D. Thực tập nghiệp vụ và khóa luận tốt nghiệp																
1	1TT001	Thực tập nghiệp vụ lần 1					3	3		3		3		3		3
2	1TT002	Thực tập nghiệp vụ lần 2					3	3		3		3		3		3
3	1LV001	Khóa luận tốt nghiệp					3	3		3		3		3		3
	Học phần chuyên môn thay thế															
1	1LL008GYQ	Học phần chuyên môn thay thế 1					3	3		3		3		3		3
2	1YS102GHY	Học phần chuyên môn thay thế 2					3	3		3		3		3		3

Ghi chú: Ghi chú: 1, 2, 3 là mức độ đóng góp của mỗi học phần trong chương trình đào tạo. Mức độ đóng góp:

- 1 Giới thiệu/Tiếp cận (I – Introduced): Người học trình bày được kiến thức một cách sơ lược; thực hiện được các thao tác ở mức độ lặp lại có hướng dẫn; tự nguyện tiếp nhận kiến thức thông tin.
- 2 Vận dụng/Tăng cường (R – Reinforced): Người học áp dụng được kiến thức để giải quyết những vấn đề tương tự; thực hiện được các kỹ năng ở mức độ thao tác; tích cực tham gia vào việc tiếp nhận thông tin.
- 3 Thông thạo (M – Mastered): Người học vận dụng sáng tạo những kiến thức và kỹ năng vào những tình huống thực tiễn; mô tả lại được những thao tác/quy trình mà mình đã được thực hành; chấp nhận, tuân thủ các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp, thấm nhuần các giá trị đạo đức và thừa nhận trách nhiệm với hành vi của bản thân

.....

.....

8. Tóm tắt các học phần

1. Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê nin (5 tín chỉ)

Học phần Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê nin thuộc khối kiến thức cơ bản về lý luận chính trị. Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận của triết học Mác - Lênin. Từ đó, xác lập thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận chung nhất để sinh viên tiếp cận các khoa học chuyên ngành đào tạo. Trang bị cho sinh viên những kiến thức LLCT cơ bản góp phần thực hiện mục tiêu chung của Đảng và nhà nước cũng như con đường đi lên CNXH ở Việt nam hiện nay. Giúp người học nhận thức đúng đắn về con đường đi lên CNXH mà đảng ta và Chủ tịch HCM đã lựa chọn, từ đó tin tưởng hơn vào sự lãnh đạo của Đảng, sống và làm việc tuân thủ pháp luật.

2. Đường lối cách mạng của đảng cộng sản Việt Nam (3 tín chỉ)

Trang bị cho sinh viên những nội dung chính về Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam. Giúp sinh viên vận dụng kiến thức chuyên ngành để chủ động, tích cực trong giải quyết những vấn đề kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội theo đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước. Ngoài chương mở đầu, nội dung môn học gồm 8 chương: Chương I: Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng; chương II: Đường lối đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); chương III: Đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945-1975); chương IV: Đường lối công nghiệp hoá; chương V: Đường lối xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; chương VI: Đường lối xây dựng hệ thống chính trị; chương VII: Đường lối xây dựng văn hoá và giải quyết các vấn đề xã hội; chương VIII: Đường lối đối ngoại.

3. Tư tưởng Hồ Chí Minh (2 tín chỉ)

Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh là học phần bắt buộc nằm trong khối kiến thức của các môn Lý luận chính trị, đề cập đến các kiến thức cơ bản có tính hệ thống về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hóa, tác phong Hồ Chí Minh. Học phần giúp sinh viên hiểu rõ về hệ thống quan điểm của Hồ Chí Minh về những vấn đề lớn của cách mạng Việt Nam, từ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, đến cách mạng xã hội chủ nghĩa với mục tiêu cao cả là giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp và giải phóng con người. Nội dung học phần gồm 6 chương: Chương 1, 2 trình bày khái niệm, cơ sở, quá trình hình thành, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; Từ chương 3 đến chương 6 trình bày những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh theo mục tiêu học phần.

4. Ngoại ngữ (6 tín chỉ)

Học phần ngoại ngữ cung cấp cho sinh viên những vốn ngữ pháp cơ bản như thì hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, quá khứ đơn, quá khứ tiếp diễn, các cấu trúc so sánh, động từ khuyết thiếu và vốn từ vựng cơ bản về các chủ đề như sức khỏe, thể thao, giao thông và thám hiểm để phát triển được kỹ năng ngôn ngữ Bậc 2 ở mức cao. Đồng thời, học phần này cũng rèn luyện cho người học các kỹ năng sử dụng tiếng Anh để bày tỏ ý kiến, quan điểm và giải thích trong các tình huống giao tiếp; viết được các câu đúng ngữ pháp, các ghi chú ngắn, tin nhắn ngắn gọn theo các chủ đề quen thuộc hàng ngày. Thông qua các bài học trên lớp và các bài tập thực hành, sinh viên có thể củng cố được vốn kiến thức của mình đồng thời phát triển kỹ năng tự học và tự rèn luyện bản thân.

5. Tin học đại cương (2 tín chỉ)

Học phần Tin học đại cương thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương. Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về: Cấu trúc chung của máy tính, xử lý lỗi cơ bản của máy tính, hệ điều hành; Định dạng văn bản, chèn đối tượng vào văn bản, bảng biểu, công cụ trợ giúp soạn thảo trong Microsoft Word; Định dạng và xử lý dữ liệu, công thức, các hàm cơ bản, biểu đồ trong Microsoft Excel; Thao tác với slide, định dạng, thiết lập hiệu ứng cho đối tượng và slide, tạo siêu liên kết trong Microsoft PowerPoint; Mạng máy tính và an toàn thông tin, một số ứng dụng cơ bản trên mạng Internet.

6. Tâm lý học đại cương (2 tín chỉ)

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các vấn đề chung của tâm lý học, về những cơ sở tự nhiên và xã hội của hoạt động tâm lý, giúp sinh viên nắm được bản chất của sự hình thành tâm lý, ý thức của con người. Học phần còn giới thiệu quy luật của các hoạt động nhận thức và vai trò của nhận thức đối với sự phát triển tâm lý - ý thức của nhân cách. Qua đó giúp sinh viên nắm được đặc điểm, bản chất về cấu trúc nhân cách, các phẩm chất nhân cách và sự hình thành và phát triển nhân cách làm cơ sở cho các phương pháp giảng dạy và giáo dục trong quá trình sư phạm

7. Giáo dục học đại cương (2 tín chỉ)

Học phần giúp sinh viên nắm được: Giáo dục là một hiện tượng xã hội đặc biệt, là một khoa học có đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, lịch sử phát triển, hệ thống khái niệm riêng. Vai trò của giáo dục đối với sự phát triển nhân cách, mục đích, nhiệm vụ của giáo dục nước ta hiện nay, các con đường để thực hiện giáo dục. Học phần còn giáo dục sinh viên có tình cảm, ý thức trách nhiệm với việc học tập cũng như công tác sau này.

8. Thống kê toán học (2 tín chỉ)

Học phần cung cấp các khái niệm cơ bản về xác suất: Hoán vị, tổ hợp; Định nghĩa xác suất cổ điển; Dây phép thử; Đại lượng ngẫu nhiên; Hàm phân bố; Các số đặc trưng; Thống kê; Lý thuyết mẫu; Ước lượng; Bài toán kiểm định giả thiết đơn giản; Hồi quy và tương quan.

9. Phương pháp nghiên cứu khoa học (2 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho người học những thông tin, những kiến thức cơ bản, trong nghiên cứu khoa học, những kỹ thuật cần thiết để tiếp cận phương pháp thực nghiệm và cách trình bày các kết quả nghiên cứu khoa học. Trên cơ sở đó giúp người học hiểu ý nghĩa của công tác nghiên cứu khoa học, có kỹ năng phát hiện và lựa chọn và tổ chức, triển khai các nội dung nghiên cứu. Hình thành ý thức học tập nghiêm túc, tự giác, tích cực, độc lập, luôn có ý thức học hỏi, phê phán đánh giá, rút kinh nghiệm cho bản thân. Hình thành tính trung thực trong học tập và trong công tác nghiên cứu khoa học sau này.

10. Quản lý hành chính nhà nước (2 tín chỉ)

Học phần bao gồm những nội dung cơ bản về những vấn đề chung của Nhà nước trên tất cả các mặt quan trọng như: quản lý hành chính Nhà nước, quản lý kinh tế, quản lý quốc phòng - an ninh, tôn giáo, dân tộc và niềm núi, dân số, lao động, tài nguyên và môi trường, với các lĩnh vực quan trọng khác của đời sống xã hội như: giáo dục - đào tạo, văn hóa, y tế và TDTT.

11. Pháp luật đại cương (2 tín chỉ)

Học phần Pháp luật đại cương là môn khoa học pháp lý cơ sở, cung cấp những kiến thức cơ bản nhất về nhà nước, pháp luật và đề cập tới một số ngành luật cơ bản của Việt Nam hiện nay nhằm hình thành tư duy và phương pháp nhận thức khoa học đúng đắn về nhà nước, pháp luật nói chung và nhà nước CHXHCN Việt Nam nói riêng. Học phần Pháp luật đại cương bao gồm 6 chương. Chương 1,2 là các vấn đề cơ bản về nhà nước, pháp luật. Chương 3,4,5 là những nội dung cơ bản về pháp luật chuyên ngành như Luật Hành chính Việt Nam; Luật Dân sự Việt Nam; Luật Hình sự Việt Nam.

12. Giáo dục quốc phòng và An ninh 1 (2 tín chỉ)

Học phần nghiên cứu những quan điểm cơ bản có tính chất lý luận của Đảng về đường lối quốc phòng và an ninh gồm: Những vấn đề cơ bản của học thuyết Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; quan điểm của Đảng về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân, an ninh nhân dân; về kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng, an ninh và một số nội dung cơ bản về nghệ thuật quân sự Việt Nam qua các thời kỳ.

13. Giáo dục quốc phòng và An ninh 2 (2 tín chỉ)

Học phần nghiên cứu những vấn đề cơ bản có tính nguyên tắc về nhiệm vụ, nội dung công tác quốc phòng, an ninh của Đảng ta hiện nay bao gồm: Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên, tăng cường tiềm lực cơ sở vật chất, kỹ thuật quốc phòng, phòng chống chiến tranh công nghệ cao; đánh bại chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch với cách mạng Việt Nam; một số vấn đề cơ bản về dân tộc, tôn giáo và đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề về dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam; xây dựng, bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, chủ quyền biển đảo, an ninh quốc gia; đấu tranh phòng chống tội phạm và giữ gìn trật tự, an toàn xã hội.

14. Giáo dục quốc phòng và An ninh 3 (1 tín chỉ)

Học phần nghiên cứu các kiến thức, kỹ năng chiến thuật, kỹ thuật quân sự cần thiết như: kiến thức cơ bản về bản đồ địa hình quân sự, một số phương tiện chỉ huy và chỉ huy chiến đấu; tính năng, tác dụng, cấu tạo, sử dụng, bảo quản các loại vũ khí bộ binh AK, CKC, RPD, RPK, B40, B41; tính năng, kỹ thuật sử dụng thuốc nổ; hiểu biết về phòng chống vũ khí hạt nhân, hóa học, sinh học, vũ khí lửa; hiểu biết và xử lý các vết thương chiến tranh; thực hành rèn luyện đội ngũ từng người và đơn vị; thực hành sử dụng vũ khí bộ binh và chiến thuật tiến công, phòng ngự từng người.

15. Giáo dục quốc phòng và An ninh 4 (2 tín chỉ)

Học phần nghiên cứu về quân binh chủng, cụ thể là tổ chức lực lượng trong các quân binh chủng - công tác đảng, công tác chính trị trong quân đội và công an; lịch sử truyền thống quân binh chủng - lịch sử truyền thống của quân đội và công an; đồng thời tham quan các học viện, đơn vị, bảo tàng.

16. Tâm lý học Thể dục thể thao (2 tín chỉ)

Học phần trang bị cho sinh viên những tri thức cơ bản có chọn lọc về đặc điểm, bản chất và các quy luật của các hoạt động tâm lý trong lĩnh vực TDTT làm cơ sở cho các phương pháp giảng dạy, huấn luyện và thi đấu TDTT. Qua đó góp phần hình thành kỹ năng vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết những vấn đề tâm lý nảy sinh

trong giáo dục thể chất và huấn luyện thể thao. Đồng thời góp phần hình thành những phẩm chất nhân cách cần thiết của người cán bộ, giáo viên, huấn luyện viên thể thao.

17. Giáo dục học Thể dục thể thao (2 tín chỉ)

Học phần trang bị cho sinh viên: Kiến thức cơ bản về đặc điểm, bản chất, quy luật của quá trình sư phạm trong TDDT nói chung và quá trình giáo dục trong hoạt động TDDT nói riêng. Mục đích, nội dung, nguyên tắc, phương pháp và hình thức tổ chức của quá trình giáo dục các phẩm chất đạo đức - nhân cách cho người tập. Biết vận dụng các kiến thức đã học vào thực tiễn công tác sau khi ra trường. Học phần cũng giáo dục ý thức trách nhiệm, tình yêu nghề nghiệp, bồi dưỡng kinh nghiệm và năng lực sư phạm cho sinh viên.

18. Sinh lý Thể dục thể thao (4 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về chức năng và cơ chế hoạt động của các cơ quan trong cơ thể người ở điều kiện bình thường và những biến đổi ở các cơ quan dưới tác động của các hoạt động TDDT, từ đó làm cơ sở cho việc tiếp thu các kiến thức chuyên ngành và ứng dụng các kiến thức về sinh lý học TDDT vào thực tiễn hoạt động giảng dạy, tập luyện thể thao sau này để nâng cao trình độ thể lực và thành tích thi đấu.

19. Giải phẫu Thể dục thể thao (2 tín chỉ)

Học phần trang bị những kiến thức cơ bản về cấu tạo các cơ quan, các cơ chế, các quá trình sinh lý diễn ra ở các mức độ từ tế bào đến cơ thể của người. Mặt khác học phần còn cung cấp vai trò và hệ thống thần kinh và sự phát triển của các hệ cơ, xương, khớp trong cơ thể cũng như ảnh hưởng của các bài tập thể dục thể thao đến chức năng sinh lý trong cơ thể, để đảm bảo sự thống nhất trong nội bộ cơ thể như giữa cơ thể với môi trường và tác động của hoạt động thể dục thể thao lên cơ thể.

20. Lý luận và phương pháp Giáo dục thể chất (4 tín chỉ)

Lý luận và phương pháp GDTC là môn khoa học về các quy luật và cơ sở phương pháp chung nhất trong lĩnh vực TDDT. Nó chiếm vị trí ưu thế trong hệ thống kiến thức chuyên ngành TDDT, có vai trò quan trọng trong đào tạo giáo viên GDTC các cấp. Lý luận và phương pháp GDTC có vai trò quan trọng, trang bị những tri thức cơ bản giúp cho sinh viên có những hiểu biết về bản chất các khái niệm, phương tiện, phương pháp và những nguyên tắc trong lĩnh vực TDDT nói chung và giáo dục thể chất nói riêng. Đó cũng là những tri thức nền tảng để họ tiếp thu tốt nội dung tri thức trong nhà trường

21. Thể dục thể thao trường học

22. Quản lý TDDT quần chúng (2 tín chỉ)

Môn học này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về quản lý và quản lý thể dục thể thao, trên cơ sở đó giúp cho sinh viên tìm hiểu những vấn đề trong quản lý lĩnh vực thể dục thể thao quần chúng. Qua những kiến thức cơ bản này giúp sinh viên hiểu và vận dụng được những kiến thức trong thực tiễn công tác giáo dục thể chất cũng như công tác tổ chức quản lý phong trào thể dục thể thao sau này.

23. Đo lường Thể thao (2 tín chỉ)

Học phần trang bị cho sinh viên: Những kiến thức và phương pháp cơ bản về đo lường để áp dụng vào học tập và NCKH trên lĩnh vực TDDT như test, độ tin cậy, tính thông báo, tính đánh giá, tiêu chuẩn...Hình thành kỹ năng vận dụng các kiến thức đã học

vào học tập, NCKH và công tác. Góp phần rèn luyện cho sinh viên tính khoa học, hệ thống, tư duy logic.

24. Xã hội học Thể dục thể thao (2 tín chỉ)

Xã hội học TDTT là khoa học nghiên cứu mối quan hệ giữa TDTT và xã hội cũng như các vấn đề xã hội nội hàm trong lĩnh vực TDTT (quan hệ xã hội, chức năng xã hội, kết cấu xã hội, quá trình xã hội ...) Môn học cung cấp cho người học cơ sở lý luận cơ bản của Xã hội học TDTT bao gồm những kiến thức chung về mối quan hệ giữa TDTT với xã hội, các chức năng xã hội của TDTT, cấu trúc xã hội của TDTT, phân tích xã hội học các lĩnh vực TDTT cụ thể, những khái niệm về lối sống lành mạnh, về chủ trương xã hội hóa TDTT... Từ đó giúp hình thành thế giới quan đúng đắn về giá trị của TDTT, bồi dưỡng nâng cao tình yêu nghề nghiệp.

25. Giao tiếp sư phạm (2 tín chỉ)

Giao tiếp sư phạm là vấn đề cơ bản trong cải tiến phương pháp giảng dạy và giáo dục. Đó là một vấn đề thuộc về kỹ năng, nghiệp vụ đối với mỗi nhà giáo và cũng là một vấn đề mới mẻ, cách tiếp cận mới mẻ đối với sinh viên sư phạm và sinh viên theo học tập nghiệp vụ giảng dạy. Nội dung chủ yếu của học phần nhằm cung cấp những kiến thức bước đầu nhưng cơ bản nhất trong việc học tập nghiệp vụ của sinh viên. Trong ba nội dung học tập đó, sinh viên có được cái nhìn đúng đắn và sâu sắc hơn với nghề nghiệp mà mình lựa chọn, giúp cho sinh viên sư phạm cũng như sinh viên ngành giáo dục thể chất có đủ tự tin vào bản thân mình trong công tác giảng dạy sau này.

26. Y học Thể dục thể thao (3 tín chỉ)

Học phần trang bị cho sinh viên: Kiến thức cơ bản cần thiết, thực dụng nhất có liên quan tới vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường và vệ sinh tập luyện. Kiến thức và phương pháp để bước đầu đề phòng và xử lý các trường hợp xấu do tập luyện thiếu khoa học gây ra. Biết vận dụng phương pháp luyện tập để giữ gìn sức khỏe, tăng tuổi thọ. Biết vận dụng các kiến thức y học vào công tác NCKH TDTT. Biết cách phân bổ thời gian tập luyện thích hợp, ngăn ngừa các chấn thương và bệnh tật xảy ra, biết tổ chức và chăm sóc cuộc sống của cá nhân và tập thể một cách hợp lý, khoa học.

27. Vệ sinh Thể dục thể thao (2 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về phương pháp vệ sinh cá nhân, vệ sinh dinh dưỡng, vệ sinh môi trường và vệ sinh trong luyện tập TDTT, tính chất và sự chuyển hóa các phân tử trong cơ thể sống; nguyên tắc vệ sinh tập luyện và thi đấu một số môn thể thao. Từ đó góp phần nâng cao hiệu quả trong công tác giáo dục thể chất và tập luyện TDTT.

28. Sinh cơ thể dục thể thao

29. Sinh hóa Thể dục thể thao (2 tín chỉ)

Sinh hóa thể dục thể thao cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về thành phần hóa học, quá trình chuyển hóa của chất và năng lượng trong cơ thể sống, cũng như mối tương quan giữa quá trình chuyển hóa và chức năng trong cơ thể. Xúc tác sinh học, vai trò của xúc tác sinh học đối với quá trình chuyển hóa các chất trong cơ thể và đặc điểm vai trò của enzym, vitamin, hormone. Đặc điểm, vai trò sinh học, phân loại và chuyển hóa glucit, lipid, protein trong cơ thể. Tái tổng hợp ATP trong hoạt động cơ với

cường độ và thời gian khác nhau. Các quy luật sinh hóa của quá trình giáo dục thể chất. Cơ sở sinh hóa của sự phát triển các tổ chất thể lực. Sức mạnh tốc độ và sức bền.

30. Kinh tế học Thể dục thể thao (2 tín chỉ)

Môn học nghiên cứu những vấn đề cơ bản trong kinh tế, thị trường, cung cầu trên thị trường, thể thao và kinh tế. Đồng thời nghiên cứu những vấn đề cơ bản trong kinh tế vĩ mô, kinh tế thể thao, cung ứng hàng hóa TDTT. Từ đó, giúp người học có khả năng ứng dụng trong thực tiễn công tác quản lý TDTT nói chung và quản lý thị trường TDTT nói riêng.

31. Marketing Thể thao (3 tín chỉ)

Môn học nghiên cứu những vấn đề cơ bản về marketing, marketing thể thao, thị trường, chiến lược marketing, khách hàng cũng như những vấn đề về quản lý các dịch vụ thể thao. Từ đó, giúp người học có khả năng ứng dụng trong thực tiễn công tác quản lý TDTT nói chung và quản lý thị trường TDTT nói riêng.

32. Lịch sử Thể dục thể thao (2 tín chỉ)

Sự phát triển TDTT ở thời kỳ Cổ đại và thời kỳ Trung thế kỷ, TDTT thời kỳ Phục Hưng, TDTT thời kỳ chủ nghĩa tư bản trước và sau hai cuộc Đại chiến thế giới I và II. Phong trào Olympic hiện đại, tổ chức và hoạt động ủy ban Olympic quốc tế và các liên đoàn thể thao quốc tế, các tổ chức TDTT châu lục, khu vực ... Sự phát triển TDTT ở nước ta trước Cách mạng Tháng 8 năm 1945. Sự phát triển TDTT ở nước ta trong thời kỳ đấu tranh thống nhất đất nước và xây dựng CNXH (1955- 1975). Sự phát triển TDTT ở nước ta sau khi thống nhất đất nước, thời kỳ đổi mới và phát triển đất nước đến nay. Ủy ban Olympic Việt Nam. Các Liên đoàn và tổ chức xã hội về thể thao.

33. Văn hóa thể thao (2 tín chỉ)

Học phần Văn hóa thể thao trong chương trình đào tạo đại học ngành GDTC được trình bày qua 4 chương gồm các nội dung chính như sau: Tổng quan về văn hóa và văn hóa thể thao như khái niệm, đặc điểm, vai trò, các yếu tố tác động... những yếu tố cấu thành nên văn hóa thể thao đó là triết lý thể thao, luật lệ thể thao, đạo đức thể thao và những biểu hiện của văn hóa thể thao trong đó có bao gồm nhân cách văn hóa của các chủ thể trong hoạt động thể thao và văn hóa thể thao trong các hoạt động cụ thể; Văn hóa thể thao quốc tế và văn hóa thể thao Việt Nam; Xác định những vấn đề lý luận cơ bản về giáo dục văn hóa thể thao cho vận động viên thể thao. Các nội dung trên chương trình được thể hiện bằng các hình thức diễn giải, phân tích kết hợp với một số hình ảnh minh họa. Cuối mỗi chương đều có phần tóm lược và câu hỏi ôn tập nhằm giúp người học củng cố lại và phát triển các kiến thức đã học.

34. Công tác đoàn đội (2 tín chỉ)

Chương trình Công tác đoàn đội nhằm trang bị cho người học: phát huy hết tính tích cực trong quá trình học tập của người học, giúp người học phát triển tư duy và chuyên môn một cách phù hợp với trình độ học tập. Qua quá trình học môn Công tác đoàn đội giúp cho người học củng cố và phát triển những tố chất cần thiết riêng biệt tùy vào mục đích của người hướng dẫn, góp phần hoàn thiện kỹ năng, kỹ xảo cần thiết cho cuộc sống

35. Lý luận và phương pháp giảng dạy Điền kinh (2 tín chỉ)

Phương pháp giảng dạy Điền kinh thuộc khối kiến thức ngành trong chương trình đào tạo, là một học phần bắt buộc có nội dung rất đa dạng và phong phú, các bài tập điền kinh (chạy cự li trung bình, chạy ngắn, nhảy xa) có vị trí chủ yếu trong số bài tập nhằm phát triển thể lực. Môn Điền kinh trang bị cho sinh viên hệ thống những kiến thức và kỹ năng cơ bản về một số nội dung chính của môn điền kinh như: chạy cự li trung bình, chạy ngắn, nhảy xa và nhiều môn phối hợp; đồng thời bồi dưỡng phương pháp giảng dạy, phương pháp tổ chức thi đấu và làm trọng tài của môn điền kinh.

36. Lý luận và phương pháp giảng dạy Thể dục (2 tín chỉ)

Phương pháp giảng dạy Thể dục là học phần bắt buộc dành cho sinh viên chuyên GDTC của chương trình đào tạo hệ đại học. Nội dung gồm lý thuyết môn Thể dục, Bài tập đội hình đội ngũ, bài tập phát triển chung tay không, bài tập phát triển chung với dụng cụ. Học phần trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức cơ bản môn Thể dục, phương pháp tập luyện, phương pháp tổ chức giảng dạy, kiểm tra đánh giá kết quả học phần. Mở rộng nhận thức và hiểu biết, phát triển năng lực tự học, vận dụng trong tập luyện, rèn luyện sức khỏe hàng ngày. Học phần còn góp phần giáo dục, rèn luyện các phẩm chất đạo đức, ý chí, tư thế, tác phong... tạo điều kiện thuận lợi cho việc tập các môn thể thao khác.

37. Lý luận và phương pháp giảng dạy Bơi lội (2 tín chỉ)

Bơi lội là môn thể thao cơ bản trong chương trình GDTC nhằm trang bị cho Sinh viên những kiến thức, kỹ năng cơ bản về các kỹ thuật của môn bơi lội như: phương pháp giảng dạy, phương pháp tổ chức thi đấu, phương pháp trọng tài cách phòng chống đuối nước, Giới thiệu nguồn gốc, lịch sử, xu hướng phát triển của môn Bơi lội và tác dụng của nó đến người học, thông qua học phần rèn luyện sức khỏe, phát triển tố chất thể lực, tầm vóc và phẩm chất, tâm lý tốt nhất cho người học. hình thành cho người học những phẩm chất: kiên trì, tự tin, vượt khó, tính kỷ luật, yêu thích vận động, có lòng yêu thương và hợp tác với nhau.

38. Lý luận và phương pháp giảng dạy thể thao chuyên ngành 1 (3 tín chỉ)

Học phần một trang bị cho người học kiến thức chuyên môn cơ bản của môn TTCN. Giúp người học biết được một số điều luật cơ bản của môn TTCN, người học có các kỹ năng cơ bản trong việc thực hành các kỹ thuật. Học xong học phần 1 người học có thể làm hướng dẫn viên môn TTCN ở bậc tiểu học và THCS. Hướng dẫn các kỹ thuật cơ bản cho người mới tập luyện.

39. Lý luận và phương pháp giảng dạy thể thao chuyên ngành 2 (3 tín chỉ)

Học phần 2 trang bị cho người học kiến thức chuyên môn cơ bản của môn TTCN. Giúp người học biết được một số điều luật cơ bản của môn TTCN, người học có các kiến thức và kỹ năng cơ bản trong việc thực hành các kỹ thuật. Học xong học phần này người học có thể làm hướng dẫn viên môn TTCN ở bậc tiểu học và THCS. Hướng dẫn các kỹ thuật cơ bản cho người mới tập luyện.

40. Lý luận và phương pháp giảng dạy thể thao chuyên ngành 3 (3 tín chỉ)

Học phần 3 là học phần nâng cao hơn kiến thức chuyên môn. Bổ sung thêm các điều luật điều hành trận đấu, nâng cao kỹ thuật chuyên môn cá nhân. Giúp người học nâng cao khả năng thực hiện lý thuật động tác cá nhân. Sau khi học xong học phần này,

người học có thể làm làm hướng dẫn viên môn TTCN ở các trung tâm huấn luyện TDTT của các sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

41. Lý luận và phương pháp giảng dạy thể thao chuyên ngành 4 (3 tín chỉ)

Học phần 4 củng cố và nâng cao hơn kiến thức chuyên môn như: Phương pháp tổ chức thi đấu, phương pháp giảng dạy, huấn luyện. Nâng cao kỹ thuật cá nhân, giúp người học hoàn thiện kiến thức và kỹ năng, kỹ xảo vận động. Sử dụng kỹ thuật, chiến thuật thuần thực, có khả năng tổ chức điều hành các trận đấu. Có thể làm huấn luyện viên môn TTCN ở các trung tâm TDTT cấp tỉnh, giảng dạy môn TTCN ở các cơ sở giáo dục cho bậc (tiểu học, THCS, THPT).

42. Lý luận và phương pháp giảng dạy thể thao chuyên ngành 5 (3 tín chỉ)

Học phần 5 nâng cao và hoàn thiện kiến thức chuyên môn. Giúp người học thực hiện thuần thực các kỹ năng, kỹ xảo chuyên môn. Vận dụng tốt kỹ thuật, chiến thuật cá nhân, tập thể vào trong tập luyện và thi đấu, người học có khả năng tổ chức điều hành các trận đấu, giải đấu. Nắm vững các nguyên tắc, phương pháp giảng dạy. Người học có thể giảng dạy môn TTCN ở các trung tâm TDTT, CLB TDTT, các Trường THCS, THPT, CĐ, ĐH...

43. Lý luận và phương pháp giảng dạy thể thao chuyên ngành 6 (3 tín chỉ)

Học phần 6 nâng cao hơn kiến thức chuyên môn như: Kỹ, chiến thuật cá nhân trong tấn công và phòng thủ. Trang bị cho người học kiến thức về phương pháp giảng dạy kỹ thuật động tác, cách thức lập kế hoạch huấn luyện. Giúp người có kỹ năng tổ chức điều hành các trận đấu, giải đấu. Học xong học phần 6 người học có thể giảng dạy môn TTCN ở các trung tâm HLTDTT, huấn luyện môn TTCN ở các cấp đội tuyển, giảng dạy môn TTCN ở các cơ sở giáo dục.

44. Lý luận và phương pháp giảng dạy thể thao chuyên ngành 7 (3 tín chỉ)

Là học phần nâng cao và hoàn thiện kiến thức chuyên môn như: Kỹ, chiến thuật cá nhân và tập thể trong tập luyện và thi đấu. Nâng cao hơn cho người học về phương pháp giảng dạy kỹ chiến thuật động tác, cách thức lập kế hoạch huấn luyện dài hạn. Học xong học phần 7 người có khả năng tổ chức điều hành các giải đấu tầm quốc gia. Có thể giảng dạy và huấn luyện môn TTCN ở các trung tâm HLTDTT cấp tỉnh, Các CLB, đội tuyển cấp Quốc gia, giảng dạy môn TTCN ở các cơ sở giáo dục.

45. Lý luận và phương pháp giảng dạy thể thao chuyên ngành 8 (3 tín chỉ)

Là học phần cuối trong chương trình môn học TTCN, nhằm nâng cao và hoàn thiện kiến thức chuyên môn như: Phương pháp tổ chức thi đấu, các kỹ, chiến thuật cá nhân và tập thể trong tập luyện và thi đấu. Học xong học phần 8 người có kỹ năng tổ chức điều hành các giải đấu tầm quốc gia. Có thể giảng dạy và huấn luyện môn TTCN ở các trung tâm HLTDTT các cấp, Các CLB, đội tuyển cấp Quốc gia, giảng viên giảng dạy môn TTCN ở các cơ sở giáo dục.

46. Lý luận và phương pháp giảng dạy Bóng đá (2 tín chỉ)

Học phần này cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về lý thuyết: lịch sử, tính chất, đặc điểm, vai trò của môn Bóng đá và những nguyên lý thực hiện kỹ thuật; về phương pháp giảng dạy. Hiểu được những kiến thức cơ bản về Luật Bóng đá và phương pháp trọng tài. Về thực hành: các kỹ thuật động tác cơ bản, thể lực môn Bóng đá; Hình

thành năng lực sư phạm, khả năng tổ chức, tiến hành và quản lý quá trình tổ chức hướng dẫn luyện tập môn Bóng đá. Thực hiện đúng các kỹ thuật cơ bản của môn Bóng đá.

47. Lý luận và phương pháp giảng dạy Bóng chuyền (2 tín chỉ)

Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tính chất, đặc điểm vai trò của môn Bóng chuyền và những nguyên lý thực hiện kỹ chiến thuật về phương pháp giảng dạy, về tổ chức thi đấu và trọng tài Bóng chuyền. Hình thành các động tác kỹ thuật cơ bản chơi Bóng chuyền. Phát triển năng lực vận động ; biết vận dụng hiểu biết, kỹ thuật động tác vào thi đấu với các loại hình chiến thuật khác nhau. Hình thành năng lực sư phạm, có khả năng tổ chức, tiến hành và quản lý quá trình giảng dạy môn học. Biết hướng dẫn luyện tập và biết tổ chức thi đấu, làm trọng tài tại cơ sở.

48. Lý luận và phương pháp giảng dạy Cầu lông (2 tín chỉ)

Giới thiệu nguồn gốc và sự phát triển môn Cầu lông trên thế giới và ở Việt Nam, tính chất và tác dụng của môn Cầu lông đến người học. Phân tích các nguyên lý kỹ thuật Cầu lông, kỹ thuật môn Cầu lông, chiến thuật thi đấu. Phương pháp giảng dạy – huấn luyện, phương pháp tổ chức giải đấu, phương pháp trọng tài, cách tính điểm. Những điều luật quy định về môn Cầu lông: kích thước sân bãi, lưới, bóng, ghi điểm... các bài tập thể lực chung và chuyên môn.

49. Lý luận và phương pháp giảng dạy Võ (2 tín chỉ)

Học phần nhằm trang bị cho sinh viên có đủ khả năng thực hành các phương pháp chuyên môn trong giảng dạy, huấn luyện, tổ chức thi đấu, trọng tài theo dõi đánh giá sự phát triển của người tập, có khả năng vận động quần chúng và chỉ đạo, tổ chức xây dựng phong trào cơ sở.

50. Lý luận và phương pháp giảng dạy Bóng rổ (2 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho người học hệ thống kiến thức về: Lịch sử phát triển môn Bóng rổ; một số điều luật và các kỹ thuật, chiến thuật thi đấu; phương pháp trọng tài. Thực hành các kỹ thuật: các bước di chuyển trong Bóng rổ; dẫn bóng; kỹ thuật chuyền và bắt bóng bằng hai tay trước ngực; kỹ thuật tại chỗ ném rổ một tay trên cao; kỹ thuật di chuyển hai bước ném rổ một tay trên cao; kỹ thuật di chuyển hai bước ném rổ một tay dưới thấp; kỹ thuật tại chỗ cầm bóng qua người; chiến thuật tấn công nhanh; chiến thuật phòng thủ khu vực; phương pháp lên lớp; phương pháp thi đấu và thực hành trọng tài.

51. Lý luận và phương pháp giảng dạy cờ vua (2 tín chỉ)

Nguồn gốc ra đời và lịch sử phát triển môn cờ vua. Nhận dạng quân cờ, vị trí ban đầu các quân cờ, các thuật ngữ trong cờ vua, cách ghi chép trong cờ vua, giá trị tương đối các quân cờ... Tấn công và phòng thủ, hòa, thắng, thua, cách chiếu hết, nguyên tắc xử sự trong thi đấu. Nguyên tắc tổ chức và phương pháp thi đấu môn cờ vua, trọng tài cờ vua, soạn thảo điều lệ, hệ thống thi đấu, bốc thăm bằng phần mềm Swiss. Thực hiện nước đi, hoàn thành cờ, đồng hồ cờ, các thế cờ không hợp lệ, ghi chép các nước đi, tính điểm, tư cách đấu thủ...

52. Lý luận và phương pháp giảng dạy Bóng bàn (2 tín chỉ)

Học phần lý thuyết: Trang bị cho sinh viên những kiến thức về lịch sử môn học, vị trí tác dụng của môn học Bóng bàn trong hệ thống giáo dục thể chất, nguyên lý chung về đánh bóng trong môn Bóng bàn, đồng thời biết cách biên soạn tài liệu môn học, phương pháp giảng dạy môn học, phương pháp huấn luyện, cách thức tổ chức giải bóng

bàn, phương pháp trọng tài và luật thi đấu. Các học phần thực hành: Trang bị cho sinh viên những kỹ thuật cơ bản của môn học, các kỹ thuật nâng cao, chiến thuật, các bài tập phát triển thể lực, phương pháp trọng tài và thi đấu; các biện pháp phòng ngừa và khắc phục những sai sót trong quá trình học tập; các phương pháp tổ chức giảng dạy - huấn luyện môn bóng bàn.

53. Lý luận và phương pháp giảng dạy Bóng Ném (2 tín chỉ)

Nguồn gốc ra đời và lịch sử phát triển môn Bóng ném. Kỹ thuật tấn công trong Bóng ném, kỹ thuật phòng thủ trong bóng ném, kỹ thuật thủ môn vận động viên bóng ném. Chiến thuật tấn công và phòng thủ cơ bản, chiến thuật tấn công và phòng thủ trận địa, chiến thuật tấn công nhanh và phòng thủ chống tấn công nhanh, chiến thuật tấn công và phòng thủ cố định. Yêu cầu chuyên môn cho vận động viên bóng ném, giảng dạy và huấn luyện kỹ - chiến thuật bóng ném, huấn luyện và giảng dạy thể lực trong bóng ném. Luật Bóng ném, phương pháp tổ chức và thi đấu Bóng ném.

54. Lý luận và phương pháp giảng dạy Vật (2 tín chỉ)

Học phần kỹ thuật Vật tự do, trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lý thuyết và thực hành: Lý thuyết: Cung cấp cho người học các kiến thức ban đầu về môn Vật, nguyên lý chung khi thực hiện kỹ thuật và giới thiệu các kỹ thuật cơ bản. Thực hành: Tập luyện các kỹ thuật cơ bản, có khả năng hướng dẫn đối tượng mới tham gia tập luyện Vật.

55. Lý luận và phương pháp giảng dạy Quần vợt (2 tín chỉ)

Học phần nhằm trang bị cho sinh viên những kỹ thuật cơ bản của môn Quần vợt, nắm chắc những điều luật cơ bản trong thi đấu. Trang bị các phương pháp chuyên môn trong giảng dạy, huấn luyện, tổ chức thi đấu, trọng tài theo dõi đánh giá sự phát triển của người tập, có khả năng vận động quần chúng và chỉ đạo, tổ chức xây dựng phong trào cơ sở.

56. Lý luận và phương pháp giảng dạy Golf (2 tín chỉ)

Học phần nhằm trang bị cho sinh viên những kỹ thuật cơ bản của môn Golf, nắm chắc những điều luật cơ bản trong thi đấu. Trang bị các phương pháp chuyên môn trong tổ chức tập luyện, theo dõi đánh giá sự phát triển của người tập, có khả năng hỗ trợ, giúp đỡ người tập tại các sân tập, câu lạc bộ.

57. Lý luận và phương pháp giảng dạy Bắn súng (2 tín chỉ)

Là học phần trong chương trình đào tạo chính quy sinh viên không chuyên bắn súng chuyên ngành GDTC. Học phần này giúp sinh viên nắm được ý nghĩa, tác dụng môn bắn súng thể thao, lịch sử môn bắn súng thể thao Việt Nam và thế giới, giúp sinh viên hình thành những khái niệm cơ bản và lý luận, luật, phương pháp tổ chức thi đấu, kiểm tra trọng tài môn súng trường hơi và các kỹ năng tập luyện, huấn luyện cơ bản môn súng trường hơi. Có thể làm được cộng tác viên, hướng dẫn viên bắn súng môn súng trường hơi.

58. Lý luận và phương pháp giảng dạy Trò chơi vận động (2 tín chỉ)

Trò chơi vận động là một môn học trong trường Đại học TDTT Bắc Ninh nhằm đào tạo sinh viên theo ngành Giáo dục thể chất. Chương trình trang bị cho sinh viên những kiến thức lý luận, phương pháp giảng dạy, biên soạn, sáng tác, tổ chức chơi trò chơi và tổ chức quản lý môn Trò chơi vận động....Chương trình Trò chơi vận động

(Kiến thức cơ bản về môn Trò chơi vận động) là chương trình theo ngành giáo dục thể chất cho sinh viên Trường Đại học TDTT Bắc Ninh.

59. Thực tập nghiệp vụ lần 1 (3 tín chỉ)

Kiến tập sư phạm là giai đoạn sinh viên tiếp cận với môi trường giáo dục ở trường phổ thông, mà cụ thể là quan sát, tìm hiểu các hoạt động dạy học, hoạt động giáo dục học sinh cũng như các hoạt động xã hội của nhà trường. Sinh viên được nghe các báo cáo tình hình, cơ cấu tổ chức và hoạt động ở trường phổ thông; kinh nghiệm công tác giảng dạy và chủ nhiệm của một số giáo viên tiêu biểu. Ngoài ra, sinh viên còn được dự giờ giáo viên hướng dẫn chuyên môn và chủ nhiệm, tổ chức các hoạt động ngoại khóa, phong trào thi đua lớp, tổ chức sinh hoạt đoàn đội, từ đó, bước đầu hình thành tình cảm và ý thức nghề nghiệp cho sinh viên, tích lũy kinh nghiệm chuẩn bị cho giai đoạn thực tập sư phạm. Thời điểm kiến tập sư phạm là học kỳ I năm thứ ba. Hình thức kiến tập sư phạm là tập trung trong 4 tuần tuần liên tục.

60. Thực tập nghiệp vụ lần 2 (5 tín chỉ)

Thực tập sư phạm là giai đoạn sinh viên thực hành những kiến thức về các môn khoa học chuyên ngành, kiến thức về khoa học giáo dục đã được học ở trường đại học. Học phần thực tập sư phạm là giai đoạn sinh viên được rèn luyện, thử thách về nhiều mặt: khả năng vận dụng linh hoạt kiến thức vào thực tế, năng lực sáng tạo, năng lực tổ chức, quản lý học sinh. Học phần này giúp sinh viên có cơ hội để tham gia vào các hoạt động chuyên môn ở nhà trường phổ thông, qua đó tiếp tục tăng cường tình cảm và ý thức nghề nghiệp. Thời điểm Thực tập sư phạm là học kỳ 8 năm thứ tư, bắt đầu vào khoảng tháng 01 hàng năm (đầu HK II) và kéo dài 9 tuần liên tục. Hình thức sinh viên đi Thực tập sư phạm là tập trung. Sinh viên được xem là thành viên của trường phổ thông, sẽ chịu sự quản lý, phân công của trường thực tập.

61. Khóa luận tốt nghiệp (6 tín chỉ)

Trong học kỳ cuối, sinh viên thực hiện nghiên cứu một đề tài nhỏ dưới sự hướng dẫn của giảng viên. Tiến hành làm Khóa luận tốt nghiệp sẽ giúp sinh viên có những kỹ năng nghiên cứu khoa học, có thời gian tìm hiểu, nghiên cứu tài liệu nâng cao kiến thức chuyên môn. Kết quả nghiên cứu của đề tài sẽ thay thế cho kết quả thi tốt nghiệp của sinh viên.

62. Học phần chuyên môn thay thế 1: Lý luận thể thao (3 tín chỉ)

Lý luận và phương pháp giáo dục thể chất 1 là môn khoa học về các quy luật và cơ sở phương pháp chung nhất trong lĩnh vực giáo dục thể chất. Nó chiếm vị trí ưu thế trong hệ thống kiến thức chuyên ngành TDTT. Lý luận và phương pháp giáo dục thể chất có vai trò quan trọng, trang bị những tri thức chuyên ngành giúp sinh viên biết vận dụng các phương tiện, phương pháp, nguyên tắc... vào thực tiễn công tác giáo dục thể chất một cách khoa học. Đó cũng là những tri thức không thể thiếu trong đào tạo cán bộ giáo viên trình độ đại học thuộc ngành giáo dục thể chất

63. Học phần chuyên môn thay thế 2: Y học thể thao (3 tín chỉ)

Y học TDTT là môn khoa học thực hành nằm trong hệ thống các môn Y sinh học thể dục thể thao được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân ngành GDTC của Trường ĐH TDTT Bắc Ninh. Y học TDTT là môn học tự chọn thuộc khối kiến thức cơ sở ngành. Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức chuyên sâu về y học TDTT

bao gồm: kiểm tra y học TĐTT, chấn thương và các bệnh lý thường gặp trong hoạt động thể dục thể thao, các trường hợp cấp cứu, phương pháp phòng ngừa chấn thương trong thể thao.

9. Phương pháp giảng dạy và đánh giá kết quả học tập

9.1. Phương pháp giảng dạy

TT	Mã PP	Tên PP	Nhóm PP
1	PPD1.1	Phương pháp động não	Nhóm phương pháp giảng dạy giúp sinh viên học tập chủ động
2	PPD1.2	Phương pháp Suy nghĩ - Từng cặp - Chia sẻ	
3	PPD1.3	Phương pháp học dựa trên vấn đề	
4	PPD1.4	Phương pháp hoạt động nhóm	
5	PPD1.5	Phương pháp đóng vai	
6	PPD2.1	Học dựa vào dự án	Nhóm phương pháp giảng dạy giúp sinh viên học tập qua trải nghiệm
7	PPD2.2	Mô phỏng	
8	PPD2.3	Nghiên cứu tình huống	
9	PPD2.4	Phương pháp học tập phục vụ cộng đồng	

* Sự tương thích của PP giảng dạy với CDR CTĐT (dùng dấu x)

	PPD 1.1	PPD 1.2	PPD 1.3	PPD 1.4	PPD 1.5	PPD 2.1	PPD 2.2	PPD 2.3	PPD 2.4
PLO1.1	X	X		X		X			
PLO1.2	X		X	X	X				
PLO1.3	X	X	X	X					
PLO1.4	X	X	X		X			X	
PLO1.5	X	X	X	X	X	X	X		
PLO1.6	X	X	X	X	X		X	X	X
PLO1.7	X	X		X	X	X	X	X	X
PLO1.8	X	X	X	X	X	X	X	X	X
PLO2.1	X	X	X	X	X	X	X	X	X
PLO2.2	X	X		X	X	X	X	X	X
PLO2.3	X	X	X	X	X	X	X	X	
PLO2.4	X	X	X	X	X	X	X	X	X
PLO3.1	X	X	X	X	X	X	X	X	X
PLO3.2	X	X		X	X	X		X	X

9.2. Phương pháp đánh giá kết quả học tập

TT	Mã PP	Tên PP
1	PDG1	Đánh giá ý thức và thái độ học tập
2	PDG2	Đánh giá hồ sơ học phần
3	PDG3	Đánh giá theo hình thức vấn đáp
4	PDG4	Đánh giá theo hình thức trắc nghiệm
5	PDG5	Đánh giá theo hình thức tự luận
6	PDG6	Đánh giá theo hình thức thực hành
7	PDG7	Đánh giá viết báo cáo
8	PDG8	Đánh giá thuyết trình

* Sự tương thích của PP đánh giá với CĐR CTĐT (dùng dấu x)

	PDG1	PDG2	PDG3	PDG4	PDG5	PDG6	PDG7	PDG8
PLO1.1	x	x	x		x		x	x
PLO1.2	x	x	x		x		x	x
PLO1.3	x	x	x		x		x	x
PLO1.4	x	x	x		x		x	x
PLO1.5	x	x	x		x		x	x
PLO1.6	x	x	x	x	x	x	x	x
PLO1.7	x	x	x		x		x	x
PLO1.8	x	x	x	x	x		x	x
PLO2.1	x	x	x		x		x	x
PLO2.2	x	x	x	x	x	x	x	x
PLO2.3	x	x	x		x	x	x	x
PLO2.4	x	x	x		x	x	x	x
PLO3.1	x	x	x		x	x	x	x
PLO3.2	x	x	x		x	x	x	x

9.3. Đánh giá CĐR của khoa học

9.3.1. Thang điểm đánh giá

Thang điểm đánh giá kết quả học tập theo từng học phần của chương trình đào tạo được quy định như sau

Thang điểm chữ	Thang điểm 10	Thang điểm 4
A+	Từ 9,0 đến 10	4,0
A	Từ 8,5 đến 8,9	4,0
B+	Từ 8,0 đến 8,4	3,5
B	Từ 7,0 đến 7,9	3,0
C+	Từ 6,5 đến 6,9	2,5
C	Từ 5,5 đến 6,4	2,0
D+	Từ 5,0 đến 5,4	1,5
D	Từ 4,5 đến 4,9	1,0
F	< 4,0	0,0

9.3.2. Điểm đánh giá học phần

Thực hiện theo quy chế đào tạo của thông tư 08/2012-BGD-ĐT. Điểm học phần được tổng hợp từ điểm đánh quá trình và điểm đánh giá cuối kì như sau:

Thành phần đánh giá	Tỉ lệ
1. Đánh giá quá trình	40%
1.1. Đánh giá ý thức, thái độ học tập - Đánh giá mức độ chuyên cần và thái độ học tập. - Yêu cầu sinh viên dự học tại lớp trên 80% mới đủ điều kiện được dự thi kết thúc học phần. Nếu sinh viên không được dự thi học phần thì bị tính điểm F và phải học lại học phần.	10%
1.2. Đánh giá giữa kì - Nếu số tín chỉ lí thuyết < 3 thì tổ chức 1 lần kiểm tra. - Nếu số tín chỉ lí thuyết ≥ 4 thì tổ chức 2 lần kiểm tra, điểm đánh giá là điểm trung bình.	30%
2. Đánh giá thi kết thúc học phần - <i>Học phần chỉ có lí thuyết</i> : điểm đánh giá là điểm của bài thi kết thúc học kì và hình thức đánh giá do bộ môn quy định (tự luận, trắc nghiệm khách quan, vấn đáp, bài tập lớn,..) - <i>Học phần chỉ có thực hành, thí nghiệm hoặc đồ án</i> : điểm đánh giá cuối kì là trung bình cộng của các bài thực hành, thí nghiệm hoặc báo cáo đồ án. - <i>Học phần có cả lí thuyết và thực hành, thí nghiệm hoặc có cả lí thuyết và đồ án</i> : điểm đánh giá cuối kì là điểm đánh giá độc lập của các thành phần lí thuyết và thực hành, thí nghiệm hoặc đồ án.	60%
3. Công thức tính điểm học phần	
3.1. Học phần chỉ có lí thuyết Điểm học phần lí thuyết được tính như sau, làm tròn đến một chữ số thập phân: $a = a_1 \times 0.1 + a_2 \times 0.3 + a_3 \times 0.6$ Trong đó, a: điểm học phần; a ₁ : điểm đánh giá ý thức học tập của sinh viên; a ₂ : điểm trung bình cộng của các bài đánh giá giữa học phần, a ₃ : điểm đánh giá thi kết thúc học phần.	
3.2. Học phần chỉ có thực hành, thí nghiệm hoặc đồ án Điểm học phần là điểm trung bình cộng của các bài thực hành, thí nghiệm hoặc điểm báo cáo đồ án, được làm tròn đến một chữ số thập phân.	
3.3. Học phần bao gồm cả lí thuyết và thực hành, thí nghiệm hoặc có cả lí thuyết và đồ án $a = a_1 \times 0.1 + a_2 \times 0.3 + (a_3 \times m + a_4 \times n) \times 0.6 / (m + n).$ Trong đó, a: điểm học phần, làm tròn đến một chữ số thập phân; a ₁ : điểm đánh giá ý thức học tập của sinh viên; a ₂ : điểm trung bình cộng của các bài đánh giá giữa học phần; a ₃ , điểm đánh giá thi kết thúc phần lí thuyết; a ₄ : điểm trung bình	

cộng của các bài thực hành, thí nghiệm hoặc điểm báo cáo đồ án; m: số tiết lý thuyết, n: số tiết thực hành, thí nghiệm hoặc đồ án

3.4. Học phần thực tập cuối khóa

- Điểm học phần được tính như sau, làm tròn đến một chữ số thập phân

$$a = a_1 \times 0.5 + a_2 \times 0.5$$

Trong đó, a: điểm học phần, làm tròn đến một chữ số thập phân; a₁: điểm đánh giá của giảng viên hướng dẫn; a₂: điểm đánh giá của cán bộ hướng dẫn nơi sinh viên thực tập.

10. Các chương trình đào tạo tham khảo

- Luật giáo dục đại học; Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể và chương trình môn Giáo dục thể chất của Bộ Giáo dục và đào tạo năm 2018; Thông tư 20/2018/TT-BGDĐT ban hành chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông;

- Chương trình đào tạo cử nhân GDTC - Trường Đại học TDTT Đà Nẵng

- Chương trình đào tạo ngành GDTC - Trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh.

11. Tiêu chuẩn đội ngũ giảng viên, nhân lực hỗ trợ

Đội ngũ giảng viên giảng dạy chương trình ngành Quản lý thể dục thể thao trình độ đại học gồm 1 Giáo sư, 14 Phó Giáo sư, 33 Tiến sĩ và 77 Thạc sĩ. Trong đó có:

- 03 PGS phù hợp là giảng viên cơ hữu để chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo.

- 05 Tiến sĩ, 01 Thạc sĩ có chuyên môn phù hợp là giảng viên cơ hữu để chủ trì giảng dạy chương trình;

- 1 Giáo sư, 11 Phó giáo sư, 28 Tiến sĩ và 76 Thạc sĩ thực hiện chương trình

Đội ngũ giảng viên nói trên có số lượng đảm bảo tỉ lệ sinh viên trên giảng viên không vượt quá mức quy định cho ngành đào tạo Quản lý thể dục thể thao.

12. Cơ sở vật chất, công nghệ và học liệu

Nhà trường có đủ cơ sở vật chất, trang thiết bị bảo đảm đáp ứng yêu cầu đào tạo các ngành và các hệ đào tạo. Trong đó bao gồm: Những công trình và cơ sở vật chất - kỹ thuật có qui mô lớn, sử dụng lâu dài và có sự đầu tư lớn về thiết bị hiện đại phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học là:

+ Nhà thi đấu

+ Nhà tập tổng hợp.

+ 02 Bể bơi.

+ 02 Sân điền kinh

+ 02 Sân bóng đá

+ 01 Sân tập golf

+ 3 Sân tennis.

+ 4 sân bóng chuyên.

- + 3 sân bóng rổ.
- + Nhà tập thể dục.
- + Nhà tập võ.
- + Nhà tập bóng bàn.
- + Nhà tập thể lực.
- + Nhà tập cầu lông
- + Nhà tập vật.
- + Phòng thí nghiệm
- + Phòng học ngoại ngữ (chuyên dụng), phòng máy tính thực hành tin học.
- + Phòng hội thảo thư viện, hội trường A, B.
- + Trên 80 phòng học (trong đó 30 phòng có 50 chỗ ngồi).
- + Trung tâm Y tế phục hồi chức năng.
- + 03 phòng học 100 chỗ.
- + 4000 chỗ ở ký túc xá.
- + Phòng làm việc của cán bộ giáo viên.
- + Thư viện.

Để đào tạo ngành Giáo dục thể chất, nhà trường có thư viện, trung tâm học liệu với 65 đầu sách, giáo trình để sinh viên học tập các học phần thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương và khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp.

13. Hướng dẫn thực hiện

Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Giáo dục thể chất được xây dựng phù hợp với tầm nhìn, sứ mạng, mục đích, mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ và nguồn lực của Trường Đại học TDTT Bắc Ninh và theo hướng đổi mới phương pháp giảng dạy gắn liền với thực tiễn, giảm giờ lý thuyết, tăng giờ thảo luận và tự học, lấy người học làm trung tâm. Đồng thời, chương trình đảm bảo sự liên thông ngang, liên thông dọc phù hợp với quy định hiện hành. Sinh viên khi nhập học được cung cấp email, tài khoản truy cập vào cổng thông tin Đại học TDTT Bắc Ninh để xem thông tin về chương trình đào tạo, các quy chế, qui định liên quan đến đào tạo qua trang web của trường theo địa chỉ <https://upes1.edu.vn>. Phòng Đào tạo Trường Đại học TDTT Bắc Ninh tổ chức, triển khai thực hiện chương trình giảng dạy theo quy chế đào tạo hiện hành. Trong quá trình thực hiện, các khoa quản lý chương trình đào tạo đề xuất thay đổi các học phần tự chọn, hình thức kiểm tra đánh giá phù hợp với thực tiễn. Ít nhất 2 năm một lần các khoa quản lý chương trình đào tạo phải tổ chức đánh giá chương trình đào tạo sao cho phù hợp với những thay đổi trong quy định của nhà nước, của

nhà trường về chương trình đào tạo những tiến bộ mới trong lĩnh vực khoa học thuộc ngành, chuyên ngành, các vấn đề kinh tế xã hội, kết quả nghiên cứu liên quan đến chương trình đào tạo; phản hồi của các bên liên quan, những thay đổi học phần, môn học hoặc nội dung chuyên môn... Việc rà soát, cập nhật, đánh giá chương trình đào tạo thực hiện theo quy định hiện hành.

KHOA GIÁO DỤC THỂ CHẤT
TRƯỞNG KHOA

HIỆU TRƯỞNG
Trường Đại học TDTT Bắc Ninh